

XE NÂNG ĐIỆN FE4P25Q

Thông số cơ bản

Sức nâng	2500 kg
Chiều cao nâng	3000 - 6500 mm
Kiểu Pin	Lithium Ion
Trọng lượng	3600 kg

Môi trường làm việc Tần suất hoạt động cao, chống nước chuẩn IPX4, vận hành tốt khi trời mưa.



Tính năng tiện nghi và an toàn



Pin Lithium-Iron tích hợp Hệ thống BMS qua kết nối CAN cho phép giám sát sạc, xả và chẩn đoán lỗi, đảm bảo an toàn và hiệu suất tối ưu. Sạc nhanh trong 2-3 giờ với bộ sạc thông minh tần số cao, đạt hiệu suất lên đến 95%.



Công nghệ Mast intelligent buffering giúp giảm chấn thông minh, giảm rung lắc và dao động đột ngột, với chức năng hạ cánh mềm giúp bảo vệ hàng hóa.



Bộ điều khiển trung tâm và động cơ nâng hạ được đặt cao, dễ bảo dưỡng, làm mát hiệu quả, vận hành ổn định khi trời mưa và ngập nước.



Động cơ AC đồng bộ, không cần bảo dưỡng, tuổi thọ và hiệu suất cao. Hệ thống điều khiển AC toàn phần giúp vận hành mượt mà và hiệu quả.



Tối ưu hóa cấu trúc xe với thiết kế thân thiện người dùng, tầm nhìn rộng. Ghế ngồi tùy chỉnh, giúp người lái tìm được vị trí ngồi lý tưởng.



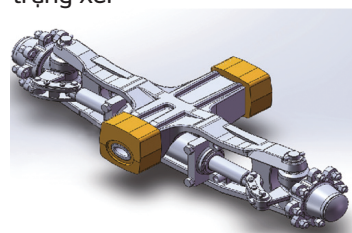
Thiết kế tối ưu, kết hợp giữa độ bền của xe nâng động cơ đốt trong và hiệu quả của xe nâng điện. Trọng lượng nhẹ, tâm tải trọng tốt, tiết kiệm năng lượng và vận hành ổn định.



Phanh đĩa bánh răng cho phép xe đứng yên trên dốc 15% mà không bị trượt.



Màn hình LED to, rõ ràng, cung cấp thông tin toàn diện về tình trạng xe.



Hệ thống giảm xóc giảm chấn trên trục lái cho trải nghiệm lái êm ái hơn và tăng tuổi thọ xe.



Pin dự phòng dễ dàng thay thế với thiết kế bên hông xe.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT NOBLELIFT FE4P25Q

Thông tin cơ bản	1.1	MODEL		FE4P25Q
	1.2	Tải trọng nâng	kg	2500
	1.3	Tâm tải trọng	mm	500
	1.4	Trọng lượng	kg	3600
	1.5	Khoảng cách trục	mm	1620
Lớp	2.1	Loại lớp tiêu chuẩn		Lớp đặc
	2.2	Thông số lớp trước		700-12-12PR
	2.3	Thông số lớp sau		600-9-10PR
Kích thước cơ bản	3.1	Góc nghiêng trụ nâng	độ	6/10
	3.2	Chiều cao trụ nâng ở vị trí thấp nhất	mm	2070
	3.3	Chiều cao nâng tự do	mm	135
	3.4	Chiều cao nâng tiêu chuẩn	mm	3000
	3.5	Chiều cao tổng quát	mm	2150
	3.6	Chiều rộng tổng quát	mm	1150
	3.7	Chiều dài tổng quát (bao gồm càng)	mm	3568
	3.8	Kích thước càng nâng	mm	40/120/1070
	3.9	Bề rộng lối đi (với Pallet 1000x1200)	mm	3849
	3.11	Bán kính quay vòng	mm	2230
Hiệu suất	4.1	Tốc độ di chuyển, có tải/không tải	km/h	12/13
	4.2	Tốc độ nâng, có tải/không tải	m/s	0,26/0,34
	4.3	Tốc độ hạ có tải/không tải	m/s	hạ cánh mềm, <0,6
	4.4	Lực kéo có tải	N	3100/2100
	4.5	Khả năng leo dốc, có tải/không tải	%	15/15
Động cơ và Pin	5.1	Công suất động cơ di chuyển S2 60min	kW	AC 10
	5.2	Công suất động cơ nâng hạ S3 15%	kW	AC 12
	5.3	Loại Pin tiêu chuẩn		Lion
	5.4	Thông số Pin	V/Ah	80/200 80/300/400
	5.5	Kích thước Pin	mm	770/600/680



vietnamrental.com.vn
 Hotline: 1900.6553
 Email: info@vietnamrental.com.vn

CÔNG TY TNHH VIETNAM RENTAL – VNR

Hà Nội
 Văn phòng: D5C-55, Lô D5, ngõ 679 đường Lạc Long Quân, Quận Tây Hồ, Hà Nội
 Kho xưởng: Số 8 đường Hội Nhập, cụm CN thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, Hà Nội
Hồ Chí Minh
 Văn phòng: 283/25, đường Cách Mạng Tháng 8, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
 Kho xưởng: 1263 đường Hùng Vương, ấp Bà Trường, Phước An, Nhơn Trạch, Đồng Nai
Đà Nẵng
 Văn phòng và kho xưởng: 555 Đường Kinh Dương Vương, phường Hòa Minh 2, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng

XE NÂNG ĐIỆN FE4P30Q

Thông số cơ bản

Sức nâng	3000 kg
Chiều cao nâng	3000 - 6500 mm
Kiểu Pin	Lithium Ion
Trọng lượng	4070 kg

Môi trường làm việc Tần suất hoạt động cao, chống nước chuẩn IPX4, vận hành tốt khi trời mưa.



Tính năng tiện nghi và an toàn



Pin Lithium-Iron tích hợp Hệ thống BMS qua kết nối CAN cho phép giám sát sạc, xả và chẩn đoán lỗi, đảm bảo an toàn và hiệu suất tối ưu. Sạc nhanh trong 2-3 giờ với bộ sạc thông minh tần số cao, đạt hiệu suất lên đến 95%.



Công nghệ Mast intelligent buffering giúp giảm chấn thông minh, giảm rung lắc và dao động đột ngột, với chức năng hạ cánh mềm giúp bảo vệ hàng hóa.



Bộ điều khiển trung tâm và động cơ nâng hạ được đặt cao, dễ bảo dưỡng, làm mát hiệu quả, vận hành ổn định khi trời mưa và ngập nước.



Động cơ AC đồng bộ, không cần bảo dưỡng, tuổi thọ và hiệu suất cao. Hệ thống điều khiển AC toàn phần giúp vận hành mượt mà và hiệu quả.



Tối ưu hóa cấu trúc xe với thiết kế thân thiện người dùng, tầm nhìn rộng. Ghế ngồi tùy chỉnh, giúp người lái tìm được vị trí ngồi lý tưởng.



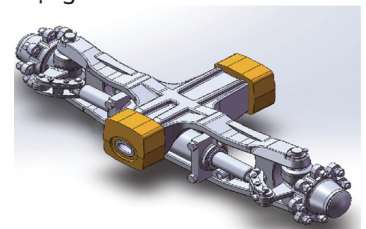
Thiết kế tối ưu, kết hợp giữa độ bền của xe nâng động cơ đốt trong và hiệu quả của xe nâng điện. Trọng lượng nhẹ, tâm tải trọng tốt, tiết kiệm năng lượng và vận hành ổn định.



Phanh đỗ bánh răng cho phép xe đứng yên trên dốc 15% mà không bị trượt.



Màn hình LED to, rõ ràng, cung cấp thông tin toàn diện về tình trạng xe.



Hệ thống giảm xóc giảm chấn trên trục lái cho trải nghiệm lái êm ái hơn và tăng tuổi thọ xe.



Pin dự phòng dễ dàng thay thế với thiết kế bên hông xe.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT NOBLELIFT FE4P30Q

Thông tin cơ bản	1.1	MODEL		FE4P30Q
	1.2	Tải trọng nâng	kg	3000
	1.3	Tâm tải trọng	mm	500
	1.4	Trọng lượng	kg	4070
	1.5	Khoảng cách trục	mm	1800
Lốp	2.1	Loại lốp tiêu chuẩn		Lốp đặc
	2.2	Thông số lốp trước		28x9-15-14PR
	2.3	Thông số lốp sau		6.50-10-10PR
Kích thước cơ bản	3.1	Góc nghiêng trụ nâng	độ	6/10
	3.2	Chiều cao trụ nâng ở vị trí thấp nhất	mm	2070
	3.3	Chiều cao nâng tự do	mm	140
	3.4	Chiều cao nâng tiêu chuẩn	mm	3000
	3.5	Chiều cao tổng quát	mm	2150
	3.6	Chiều rộng tổng quát	mm	1226
	3.7	Chiều dài tổng quát (bao gồm càng)	mm	3773
	3.8	Kích thước càng nâng	mm	45/125/1070
	3.9	Bề rộng lối đi (với Pallet 1000x1200)	mm	4078
	3.11	Bán kính quay vòng	mm	2400
Hiệu suất	4.1	Tốc độ di chuyển, có tải/không tải	km/h	12/13
	4.2	Tốc độ nâng, có tải/không tải	m/s	0,26/0,34
	4.3	Tốc độ hạ có tải/không tải	m/s	hạ cánh mềm, <0,6
	4.4	Lực kéo có tải	N	3500/2500
	4.5	Khả năng leo dốc, có tải/không tải	%	15/15
Động cơ và Pin	5.1	Công suất động cơ di chuyển S2 60min	kW	AC 16
	5.2	Công suất động cơ nâng hạ S3 15%	kW	AC 16
	5.3	Loại Pin tiêu chuẩn		Lion
	5.4	Thông số Pin	V/Ah	80/200 80/300/400
	5.5	Kích thước Pin	mm	770/650/680



vietnamrental.com.vn
 Hotline: 1900.6553
 Email: info@vietnamrental.com.vn

CÔNG TY TNHH VIETNAM RENTAL – VNR

Hà Nội
 Văn phòng: D5C-55, Lô D5, ngõ 679 đường Lạc Long Quân, Quận Tây Hồ, Hà Nội
 Kho xưởng: Số 8 đường Hội Nhập, cụm CN thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, Hà Nội
Hồ Chí Minh
 Văn phòng: 283/25, đường Cách Mạng Tháng 8, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
 Kho xưởng: 1263 đường Hùng Vương, ấp Bà Trường, Phước An, Nhơn Trạch, Đồng Nai
Đà Nẵng
 Văn phòng và kho xưởng: 555 Đường Kinh Dương Vương, phường Hòa Minh 2, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng

XE NÂNG ĐIỆN FE4P35Q

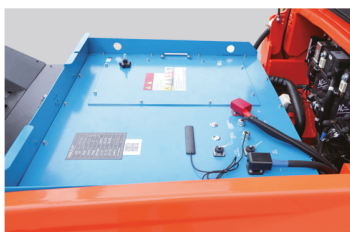
Thông số cơ bản

Sức nâng	3500 kg
Chiều cao nâng	3000 - 6500 mm
Kiểu Pin	Lithium Ion
Trọng lượng	4480kg

Tần suất hoạt động cao, chống nước chuẩn IPX4, vận hành tốt khi trời mưa.



Tính năng tiện nghi và an toàn



Pin Lithium-Iron tích hợp Hệ thống BMS qua kết nối CAN cho phép giám sát sạc, xả và chẩn đoán lỗi, đảm bảo an toàn và hiệu suất tối ưu. Sạc nhanh trong 2-3 giờ với bộ sạc thông minh tần số cao, đạt hiệu suất lên đến 95%.



Công nghệ Mast intelligent buffering giúp giảm chấn thông minh, giảm rung lắc và dao động đột ngột, với chức năng hạ cánh mềm giúp bảo vệ hàng hóa.



Bộ điều khiển trung tâm và động cơ nâng hạ được đặt cao, dễ bảo dưỡng, làm mát hiệu quả, vận hành ổn định khi trời mưa và ngập nước.



Động cơ AC đồng bộ, không cần bảo dưỡng, tuổi thọ và hiệu suất cao. Hệ thống điều khiển AC toàn phần giúp vận hành mượt mà và hiệu quả.



Tối ưu hóa cấu trúc xe với thiết kế thân thiện người dùng, tầm nhìn rộng. Ghế ngồi tùy chỉnh, giúp người lái tìm được vị trí ngồi lý tưởng.



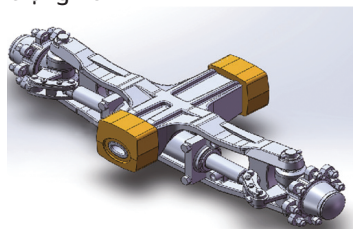
Thiết kế tối ưu, kết hợp giữa độ bền của xe nâng động cơ đốt trong và hiệu quả của xe nâng điện. Trọng lượng nhẹ, tâm tải trọng tốt, tiết kiệm năng lượng và vận hành ổn định.



Phanh đĩa bánh răng cho phép xe đứng yên trên dốc 15% mà không bị trượt.



Màn hình LED to, rõ ràng, cung cấp thông tin toàn diện về tình trạng xe.



Hệ thống giảm xóc giảm chấn trên trục lái cho trải nghiệm lái êm ái hơn và tăng tuổi thọ xe.



Pin dự phòng dễ dàng thay thế với thiết kế bên hông xe.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT NOBLELIFT FE4P35Q				
Thông tin cơ bản	1.1	MODEL		FE4P35Q
	1.2	Tải trọng nâng	kg	3500
	1.3	Tâm tải trọng	mm	500
	1.4	Trọng lượng	kg	4480
	1.5	Khoảng cách trục	mm	1800
Lớp	2.1	Loại lớp tiêu chuẩn		Lớp đặc
	2.2	Thông số lớp trước		28x9-15-14PR
	2.3	Thông số lớp sau		6.50-10-10PR
Kích thước cơ bản	3.1	Góc nghiêng trụ nâng	độ	6/10
	3.2	Chiều cao trụ nâng ở vị trí thấp nhất	mm	2185
	3.3	Chiều cao nâng tự do	mm	145
	3.4	Chiều cao nâng tiêu chuẩn	mm	3000
	3.5	Chiều cao tổng quát	mm	2150
	3.6	Chiều rộng tổng quát	mm	1226
	3.7	Chiều dài tổng quát (bao gồm càng)	mm	3818
	3.8	Kích thước càng nâng	mm	50/125/1070
	3.9	Bề rộng lối đi (với Pallet 1000x1200)	mm	4123
	3.11	Bán kính quay vòng	mm	2440
Hiệu suất	4.1	Tốc độ di chuyển, có tải/không tải	km/h	11/12
	4.2	Tốc độ nâng, có tải/không tải	m/s	0,25/0,33
	4.3	Tốc độ hạ có tải/không tải	m/s	hạ cánh mềm, <0,6
	4.4	Lực kéo có tải	N	3800/2800
	4.5	Khả năng leo dốc, có tải/không tải	%	13/15
Động cơ và Pin	5.1	Công suất động cơ di chuyển S2 60min	kW	AC 11
	5.2	Công suất động cơ nâng hạ S3 15%	kW	AC 15
	5.3	Loại Pin tiêu chuẩn		Lion
	5.4	Thông số Pin	V/Ah	80/300 80/400
	5.5	Kích thước Pin	mm	770/650/680



vietnamrental.com.vn
 Hotline: 1900.6553
 Email: info@vietnamrental.com.vn

CÔNG TY TNHH VIETNAM RENTAL – VNR

Hà Nội
 Văn phòng: D5C-55, Lô D5, ngõ 679 đường Lạc Long Quân, Quận Tây Hồ, Hà Nội
 Kho xưởng: Số 8 đường Hội Nhập, cụm CN thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, Hà Nội
Hồ Chí Minh
 Văn phòng: 283/25, đường Cách Mạng Tháng 8, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
 Kho xưởng: 1263 đường Hùng Vương, ấp Bà Trường, Phước An, Nhơn Trạch, Đồng Nai
Đà Nẵng
 Văn phòng và kho xưởng: 555 Đường Kinh Dương Vương, phường Hòa Minh 2, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng